

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thành phố Huế đến năm 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc Hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét Tờ trình số 11368/TTr-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thành phố Huế đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thành phố Huế đến năm 2030.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thành phố Huế đến năm 2030.

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7, như sau:

“2. Trình tự, thủ tục nghiệm thu hỗ trợ

Các tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Huế.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các Sở ngành, địa phương liên quan tiến hành kiểm tra hồ sơ, thẩm định, nghiệm thu khối lượng, kinh phí đã đầu tư và trình Ủy ban nhân dân thành phố Huế ban hành Quyết định hỗ trợ.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình, Ủy ban nhân dân thành phố Huế ban hành Quyết định hỗ trợ (theo Mẫu số 05).

Trường hợp hồ sơ không đảm bảo điều kiện hỗ trợ thì ban hành văn bản từ chối và nêu rõ lý do.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7, như sau:

“3. Thủ tục cấp phát kinh phí

Sau khi Quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân thành phố có hiệu lực; trong thời gian 03 ngày làm việc, Sở Tài chính chuyển kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho tổ chức, cá nhân, Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã cấp kinh phí để thực hiện hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân theo nội dung được phê duyệt.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9, như sau:

“1. Hồ sơ, trình tự thực hiện phê duyệt Dự án/Kế hoạch liên kết

Thực hiện theo Điều 12 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và khoản 6 Điều 39, Điều 40 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 9, như sau:

“b) Trình tự thực hiện

Chủ trì liên kết gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Huế (đối với Dự án/Kế hoạch liên kết do Ủy ban nhân dân thành phố Huế phê duyệt) hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (đối với Dự án/Kế hoạch liên kết do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt).

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ Sở Nông nghiệp và Môi trường (đối với Dự án/Kế hoạch liên kết do Ủy ban nhân dân thành phố Huế phê duyệt) phối hợp Sở Tài chính và các Sở ngành, địa phương liên quan tiến hành kiểm tra hồ sơ, thẩm định, nghiệm thu khối lượng, kinh phí đã đầu tư và trình Ủy ban nhân dân thành phố Huế ban hành Quyết định hỗ trợ (theo Mẫu số 05) hoặc Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị cấp xã (đối với Dự án/Kế hoạch liên kết do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt) phối hợp các đơn vị liên quan tiến hành kiểm tra hồ sơ, thẩm định, nghiệm thu khối lượng, kinh phí đã đầu tư và trình Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định hỗ trợ (theo Mẫu số 05).”

5. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 9, như sau:

“c) Thủ tục cấp phát kinh phí

Sau khi Quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã có hiệu lực; trong thời gian 03 ngày làm việc, Sở Tài chính chuyển kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho chủ trì liên kết, Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã cấp kinh phí để thực hiện hỗ trợ cho chủ trì liên kết theo nội dung được phê duyệt.

Chủ trì liên kết căn cứ các nội dung cam kết trong hợp đồng liên kết để chi trả kinh phí hỗ trợ cho các bên tham gia liên kết.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11, như sau:

“2. Trình tự, thủ tục nghiệm thu hỗ trợ

Các chủ thể sản phẩm OCOP gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã nơi có sản phẩm OCOP.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị cấp xã chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành kiểm tra hồ sơ, thẩm định, nghiệm thu khối lượng, kinh phí đã đầu tư và trình Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định hỗ trợ.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định hỗ trợ (theo Mẫu số 05).

Trường hợp hồ sơ không đảm bảo điều kiện hỗ trợ thì ban hành văn bản từ chối và nêu rõ lý do.”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 11, như sau:

“3. Thủ tục cấp phát kinh phí

Sau khi Quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp xã có hiệu lực, trong thời gian 03 ngày làm việc; Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã cấp kinh phí để thực hiện hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân theo nội dung được phê duyệt.”

8. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 13, như sau:

“b) Trình tự thực hiện

Các tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã nơi thực hiện nội dung đầu tư để đề nghị phê duyệt hỗ trợ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị cấp xã chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định phê duyệt hỗ trợ Phương án/Kế hoạch sản xuất.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định phê duyệt hỗ trợ Phương án/Kế hoạch sản xuất (theo Mẫu số 06).

Trường hợp hồ sơ không đảm bảo điều kiện hỗ trợ thì ban hành văn bản từ chối và nêu rõ lý do.”

9. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 13, như sau:

“b) Trình tự thực hiện

Các tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã nơi thực hiện nội dung đầu tư.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị cấp xã phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành kiểm tra hồ sơ, thẩm định, nghiệm thu khối lượng, kinh phí đã đầu tư và trình Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định hỗ trợ (theo Mẫu số 05).”

10. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 13, như sau:

“c) Thủ tục cấp phát kinh phí

Sau khi Quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp xã có hiệu lực, trong thời gian 03 ngày làm việc, Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã cấp kinh phí để thực hiện hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân theo nội dung được phê duyệt.”

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15, như sau:

“1. Đối với chính sách tại Điều 6 Quy định này ngân sách thành phố hỗ trợ 90%; ngân sách cấp xã hỗ trợ 10%. Riêng các nội dung đầu tư thực hiện tại các xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo ngân sách thành phố hỗ trợ 100%.”

12. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các biểu mẫu như sau:

a) Tại Mẫu số 01

Thay thế cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng “Sở Nông nghiệp và Môi trường, cụm từ “Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn” bằng “Ủy ban nhân dân xã/phường”, cụm từ “xã/phường/thị trấn” bằng “xã/phường”; bỏ cụm từ “Ủy ban nhân dân quận/huyện/thị xã”.

b) Tại Mẫu số 02

Thay thế cụm từ “Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế cấp huyện” bằng “Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị”, cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng “Sở Nông nghiệp và Môi trường”, cụm từ “Ủy ban nhân dân quận/huyện/thị xã” bằng “Ủy ban nhân dân xã/phường”, cụm từ “Phòng Tài chính - Kế hoạch quận/huyện/thị xã” bằng “Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị”.

c) Tại Mẫu số 03

Thay thế cụm từ “Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế cấp huyện” bằng “Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị”.

d) Tại Mẫu số 04

Thay thế cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng “Sở Nông nghiệp và Môi trường”, cụm từ “Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn /Phòng Kinh tế cấp huyện” bằng “Ủy ban nhân dân cấp xã”.

đ) Tại Mẫu số 05

Thay thế câu “Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng

6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;” bằng “Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025”.

e) Tại Mẫu số 06

Thay thế câu “Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;” bằng “Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025”.

Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng “Ủy ban nhân dân cấp xã”, cụm từ “Chủ tịch ủy ban nhân dân (cấp huyện)” bằng “Ủy ban nhân dân cấp xã”, cụm từ “Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế” bằng “Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị”.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 18 tháng 9 năm 2025.

2. Quy định chuyển tiếp

a) Các Quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 mà chưa chuyển kinh phí hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân thì thực hiện như sau:

Phần kinh phí hỗ trợ thuộc ngân sách thành phố do Sở Tài chính cấp phát trực tiếp cho tổ chức, cá nhân.

Phần kinh phí hỗ trợ thuộc ngân sách cấp huyện do Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã cấp kinh phí để thực hiện hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân.

b) Đối với các Dự án/Kế hoạch liên kết quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố và Phương án/Kế hoạch sản xuất quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt mà chưa hoàn thành nghiệm thu, thanh toán thì thực hiện như sau:

Dự án/Kế hoạch liên kết, Phương án/Kế hoạch sản xuất thực hiện trên địa bàn một xã thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có Dự án/Kế hoạch liên kết, Phương án/Kế hoạch sản xuất chịu trách nhiệm theo dõi, tổ chức nghiệm thu, thanh toán kinh phí hỗ trợ các nội dung đã được phê duyệt.

Dự án/Kế hoạch liên kết, Phương án/Kế hoạch sản xuất thực hiện trên địa bàn từ hai xã trở lên thì Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm theo dõi, tổ chức nghiệm thu, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định hỗ trợ các nội dung đã được phê duyệt.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Huế khóa VIII, Kỳ họp chuyên đề lần thứ 25 thông qua ngày 08 tháng 9 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy Ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: TC; NN và MT;
- Cục Kiểm tra văn bản và XLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- BTV Đảng ủy các cơ quan Đảng thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố; UBMTTQVN thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo thành phố; Cổng TTĐT thành phố;
- VP: Lãnh đạo và các CV;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Trường Lưu